

Số: 276 /CV-CTN

Đà Lạt, ngày 15 tháng 08 năm 2025

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được soát xét 6 tháng cho kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng**

- Mã chứng khoán: **LDW**

- Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại liên hệ: (0263) 3822 457

Fax: (0263) 3822 240

- Email: [lawacoldg@gmail.com](mailto:lawacoldg@gmail.com)

Website: [www.lawaco.com](http://www.lawaco.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC tổng hợp giữ niên độ đã được soát xét 6 tháng cho kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét 6 tháng cho kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC đã được soát xét 6 tháng cho kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày:  
15/08/2025 tại đường dẫn: <https://lawaco.com/Home/DanhMuc?danhmuctintuc=2015>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

-BCTC



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 36



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

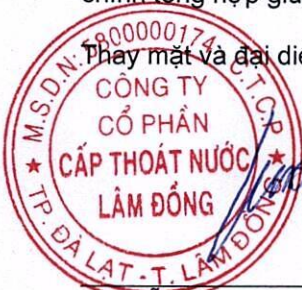
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hùng Cường**  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 8 năm 2025

3-0  
3 T  
1H  
QU  
1Á  
iÒ  
HỒ



Số: 2251/2025/BCSX-ICPA.SG

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Phạm Thị Toan**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2767-2024-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.181.953.186</b>	<b>89.887.963.601</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>80.922.296.834</b>	<b>38.574.107.095</b>
1. Tiền	111	V.1	80.922.296.834	38.574.107.095
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36.494.628.502</b>	<b>13.839.258.639</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	36.494.628.502	13.839.258.639
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.499.087.483</b>	<b>29.838.009.793</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.567.555.691	5.619.374.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	318.845.654	605.216.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.836.740.124	27.641.994.229
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.224.053.986)	(4.028.575.001)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>8.577.432.351</b>	<b>7.636.588.074</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.016.155.030	11.108.353.507
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.438.722.679)	(3.471.765.433)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>688.508.016</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	640.330.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	48.178.016	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.080.726.931.170</b>	<b>1.107.938.472.950</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>427.793.591.683</b>	<b>436.786.389.427</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	426.255.811.858	435.150.000.891
- Nguyên giá	222		1.061.104.144.263	1.051.140.694.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(634.848.332.405)	(615.990.693.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.537.779.825	1.636.388.536
- Nguyên giá	228		2.558.591.000	2.558.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.020.811.175)	(922.202.464)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.370.262.206</b>	<b>2.583.504.908</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	5.370.262.206	2.583.504.908
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>632.970.000.000</b>	<b>653.220.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	632.970.000.000	653.220.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.593.077.281</b>	<b>15.348.578.615</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.231.813.101	8.889.010.916
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	751.880.816	759.637.057
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	5.609.383.364	5.699.930.642
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.212.908.884.356</b>	<b>1.197.826.436.551</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		280.324.399.043	229.116.313.324
I. Nợ ngắn hạn	310		129.752.022.160	67.129.451.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	13.700.254.233	12.559.524.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	620.664.299	477.556.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.669.708.071	8.865.696.549
4. Phải trả người lao động	314		8.527.709.660	9.545.493.678
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	7.106.850.975	3.497.894.566
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	50.916.908.618	1.622.279.113
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239	22.793.678.239
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	18.416.248.065	7.767.327.958
II. Nợ dài hạn	330		150.572.376.883	161.986.861.841
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	487.871.861	505.517.706
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	150.084.505.022	161.481.344.135
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		932.584.485.313	968.710.123.227
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	932.584.485.313	968.710.123.227
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.057.709.405	19.057.709.405
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.039.241.420	22.107.785.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.644.887.411	99.701.980.942
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.644.887.411	99.701.980.942
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.212.908.884.356	1.197.826.436.551



Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc


Ngày 14 tháng 8 năm 2025





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	161.712.221.693	163.431.139.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	10		<b>161.712.221.693</b>	<b>163.431.139.618</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	116.234.479.147	113.086.988.707
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	20		<b>45.477.742.546</b>	<b>50.344.150.911</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.527.620.505	29.476.778.260
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.704.118.725	6.411.501.205
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.704.118.725	6.411.501.205
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.721.284.475	1.981.693.797
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.693.478.695	10.595.059.709
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	30		<b>52.886.481.156</b>	<b>60.832.674.460</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	161.297.286	160.895.238
12. Chi phí khác	32	VI.7	656.994.692	586.390.628
13. <b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	40	VI.7	<b>(495.697.406)</b>	<b>(425.495.390)</b>
14. <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>52.390.783.750</b>	<b>60.407.179.070</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	10.624.361.575	12.169.297.542
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	7.756.241	105.591
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>41.758.665.934</b>	<b>48.237.775.937</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	530	436
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	530	436

  
Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

  
Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	172.763.123.269	174.998.797.802
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(67.862.689.080)	(74.457.721.038)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.515.063.357)	(24.294.734.591)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(5.790.666.169)	(6.504.963.919)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(12.358.906.892)	(11.103.801.260)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.913.050.954	2.535.875.251
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(39.518.001.000)	(33.692.640.952)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>26.630.847.725</b>	<b>27.480.811.293</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.445.157.100)	(10.841.407.559)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(610.817.283.299)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	555.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.559.338.227	67.657.046.321
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>27.114.181.127</b>	<b>998.355.463</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.396.839.113)	(11.396.839.113)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.396.839.113)</b>	<b>(11.396.839.113)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>42.348.189.739</b>	<b>17.082.327.643</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>38.574.107.095</b>	<b>38.871.824.358</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60)	<b>70</b>	<b>80.922.296.834</b>	<b>55.954.152.001</b>

Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu và thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15 tháng 7 năm 2025 do thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 366 người và 371 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy nước Đà Lạt	Phường Langbiang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Lâm Hà	Xã Đinh Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Xã Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Xã Đam Rông 2, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình Bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp giữa niên độ Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc là các xí nghiệp, nhà máy nước. Giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	1 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Một phần tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

**Hệ thống đường ống nhánh**

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 244 đồng/m<sup>3</sup> ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành từ ngày 28 tháng 10 năm 2023.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước (tiếp theo)**Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay và nợ phải trả về thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính nhưng không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	159.199.514	73.085.690
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.763.097.320	38.501.021.405
<b>Cộng</b>	<b>80.922.296.834</b>	<b>38.574.107.095</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt	3.967.652.574	2.117.470.920
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác		
Công trình Thủy lợi Đà Lạt	-	2.550.288.718
Các đối tượng khác	599.903.117	951.614.521
<b>Cộng</b>	<b>4.567.555.691</b>	<b>5.619.374.159</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát Nước Lâm Đồng	102.629.000	164.882.000
Công ty TNHH Bảo Thiên Phước	69.493.464	-
Công ty TNHH Xử lý nước Gia Hưng Phát	66.295.560	47.970.000
Công ty TNHH Nguyễn Anh Sinh	-	282.852.000
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Lâm Đà Lạt	-	98.512.405
Các đối tượng khác	80.427.630	11.000.001
<b>Cộng</b>	<b>318.845.654</b>	<b>605.216.406</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	2.262.265.614	2.262.265.614
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.041.850.254	23.478.937.839
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán (ii)	459.200.000	1.010.240.000
Các khoản ký quỹ	206.500.000	221.380.000
Các khoản phải thu khác	866.924.256	669.170.776
<b>Tổng cộng phải thu khác</b>	<b>4.836.740.124</b>	<b>27.641.994.229</b>

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này trong các năm tài chính trước.

(ii) Đây là khoản tạm ứng thù lao năm 2025 cho Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.961.788.786	-	(1.961.788.786)	1.766.309.801	-	(1.766.309.801)
Phải thu ngắn hạn khác	2.262.265.200	-	(2.262.265.200)	2.262.265.200	-	(2.262.265.200)
<b>Cộng</b>	<b>4.224.053.986</b>	<b>-</b>	<b>(4.224.053.986)</b>	<b>4.028.575.001</b>	<b>-</b>	<b>(4.028.575.001)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>(4.028.575.001)</b>	<b>(3.961.814.001)</b>
(Dự phòng)/hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(195.478.985)	2.266.985
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(4.224.053.986)</b>	<b>(3.959.547.016)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	10.894.609.169	(3.438.722.679)	9.737.232.268	(3.471.765.433)
Công cụ, dụng cụ	1.073.780.560	-	1.341.433.723	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.765.301	-	29.687.516	-
<b>Cộng</b>	<b>12.016.155.030</b>	<b>(3.438.722.679)</b>	<b>11.108.353.507</b>	<b>(3.471.765.433)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>(3.471.765.433)</b>	<b>(2.336.333.584)</b>
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng bổ sung trong kỳ	33.042.754	(763.179.582)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(3.438.722.679)</b>	<b>(3.099.513.166)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>217.007.344.042</b>	<b>69.091.947.400</b>	<b>669.182.282.286</b>	<b>52.322.724.414</b>	<b>43.536.396.055</b>	<b>1.051.140.694.197</b>
Mua trong kỳ	928.000.000	870.500.000	1.268.499.636	545.347.000	-	3.612.346.636
Xây dựng cơ bản hoàn thành	903.709.088	1.035.179.810	2.423.639.835	959.032.794	1.029.541.903	6.351.103.430
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>218.839.053.130</b>	<b>70.997.627.210</b>	<b>672.874.421.757</b>	<b>53.827.104.208</b>	<b>44.565.937.958</b>	<b>1.061.104.144.263</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>136.196.613.408</b>	<b>37.952.554.636</b>	<b>389.412.101.658</b>	<b>34.581.623.280</b>	<b>17.847.800.324</b>	<b>615.990.693.306</b>
Khấu hao trong kỳ	3.109.989.709	2.455.247.092	9.736.465.431	2.507.103.972	1.048.832.895	18.857.639.099
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>139.306.603.117</b>	<b>40.407.801.728</b>	<b>399.148.567.089</b>	<b>37.088.727.252</b>	<b>18.896.633.219</b>	<b>634.848.332.405</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>80.810.730.634</b>	<b>31.139.392.764</b>	<b>279.770.180.628</b>	<b>17.741.101.134</b>	<b>25.688.595.731</b>	<b>435.150.000.891</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>79.532.450.013</b>	<b>30.589.825.482</b>	<b>273.725.854.668</b>	<b>16.738.376.956</b>	<b>25.669.304.739</b>	<b>426.255.811.858</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 229.514.826.283 đồng và 222.505.829.626 đồng.

Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 255.035.420.642 đồng và 263.505.731.349 đồng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.19).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ</b>	<b>737.591.000</b>	<b>1.821.000.000</b>	<b>2.558.591.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>224.117.807</b>	<b>698.084.657</b>	<b>922.202.464</b>
Khấu hao trong kỳ	7.315.286	91.293.425	98.608.711
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>231.433.093</b>	<b>789.378.082</b>	<b>1.020.811.175</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>513.473.193</b>	<b>1.122.915.343</b>	<b>1.636.388.536</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>506.157.907</b>	<b>1.031.621.918</b>	<b>1.537.779.825</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các dự án cải tạo đường ống cấp nước	5.260.597.256	2.429.402.126
Các dự án khác	109.664.950	154.102.782
<b>Cộng</b>	<b>5.370.262.206</b>	<b>2.583.504.908</b>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>2.583.504.908</b>	<b>1.476.219.649</b>
Chi phí đầu tư trong kỳ	13.016.354.416	12.310.797.193
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.351.103.430)	(8.855.335.180)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(1.869.018.422)	(1.579.910.785)
Ghi nhận vào chi phí trong kỳ	(2.009.475.266)	(877.884.055)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.370.262.206</b>	<b>2.473.886.822</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	36.494.628.502	36.494.628.502	13.839.258.639	13.839.258.639
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	632.970.000.000	632.970.000.000	653.220.000.000	653.220.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>669.464.628.502</b>	<b>669.464.628.502</b>	<b>667.059.258.639</b>	<b>667.059.258.639</b>

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Chủ trương này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền hiện nay đang được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Lâm Đồng với kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 84 tháng. Lãi suất tiền gửi áp dụng trong năm dao động trong khoảng từ 5,3% đến 7,4%/năm.

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền cấp quyền khai thác nước	640.330.000	-
<b>b. Dài hạn</b>		
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	5.692.039.159	6.633.775.071
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.904.413.400	2.188.413.314
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	635.360.542	66.822.531
<b>Cộng</b>	<b>8.231.813.101</b>	<b>8.889.010.916</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.872.143.101</b>	<b>8.889.010.916</b>

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 6,5 năm.

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>8.889.010.916</b>	<b>10.637.879.499</b>
Phát sinh trong kỳ	5.275.914.806	2.467.025.192
Xây dựng cơ bản hoàn thành	306.917.349	1.579.910.785
Phân bổ chi phí trong kỳ	(6.240.029.970)	(4.754.747.801)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.231.813.101</b>	<b>9.930.067.675</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>759.637.057</b>	<b>449.615.593</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(7.756.241)	(105.591)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>751.880.816</b>	<b>449.510.002</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính thuế hoãn lại 20%

Công ty ghi nhận chi phí tổn thất của hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ thanh lý hàng tồn kho. Do vậy các khoản dự phòng đã trích lập cho những hàng tồn kho này đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng giá trị là 3.759.404.081 đồng. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các hàng tồn kho này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.499.380.370	(889.997.006)	5.609.383.364	6.597.251.524	(897.320.882)	5.699.930.642



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán	
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	11.178.735.952	11.068.017.786
Trung tâm Quản lý Đầu tư & Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	995.612.400	772.672.500
Các đối tượng khác	1.525.905.881	718.834.580
<b>Cộng</b>	<b>13.700.254.233</b>	<b>12.559.524.866</b>

Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia là tiền chi phí mua nước sạch tháng 4 và 5 năm 2025 theo hợp đồng mua bán số 01-01/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 12 năm 2010 và phụ lục số 04/2023/PLHĐ/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đã ký giữa hai bên.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	254.682.533	81.597.911
Công ty Cổ phần Hoàng Gia DL	200.343.892	200.343.892
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	-	137.994.613
Các đối tượng khác	165.637.874	57.620.098
<b>Cộng</b>	<b>620.664.299</b>	<b>477.556.514</b>

**16. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	48.178.016	48.178.016
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	35.981.718	5.021.395.456	4.399.878.156	657.499.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.817.896.195	10.624.361.575	12.358.906.892	5.083.350.878
Thuế thu nhập cá nhân	186.062.017	625.001.902	811.063.919	-
Phí bảo vệ môi trường	1.731.336.006	11.028.427.746	10.926.764.042	1.832.999.710
Thuế tài nguyên	94.420.613	579.010.642	577.572.790	95.858.465
Tiền thuê đất	-	469.472.377	469.472.377	-
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.865.696.549</b>	<b>28.362.669.698</b>	<b>29.558.658.176</b>	<b>7.669.708.071</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải trả tiền nước (i)	4.703.237.868	-
Chi phí lãi vay	1.372.677.167	1.459.224.611
Chi phí bảo vệ môi trường và nước thải	1.018.892.563	2.019.987.954
Các khoản chi phí phải trả khác	12.043.377	18.682.001
<b>Cộng</b>	<b>7.106.850.975</b>	<b>3.497.894.566</b>

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện chi phí tiền mua nước sạch của tháng 6 năm 2025 phải trả Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đạ N Kia.

**18. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả 2024	48.068.000.000	-
Các khoản phải trả về quyết toán vốn với Nhà nước (i)	1.113.778.523	-
Các khoản phải trả về cổ phần hóa	839.258.639	839.258.639
Các khoản phải trả khác	895.871.456	783.020.474
<b>Cộng</b>	<b>50.916.908.618</b>	<b>1.622.279.113</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	487.871.861	505.517.706
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.404.780.479</b>	<b>2.127.796.819</b>

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản phải trả Nhà nước về việc phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (xem thêm tại thuyết minh V.21)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ
	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán VND	Vay VND	Thanh toán VND	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.239			22.793.678.239
<b>b. Dài hạn</b>				
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	143.069.264.921	-	8.415.839.113	151.485.104.034
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	29.808.918.340	-	2.981.000.000	32.789.918.340
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)			(22.793.678.239)
<b>Cộng</b>	<b>150.084.505.022</b>			<b>161.481.344.135</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.878.183.261</b>	<b>-</b>	<b>11.396.839.113</b>	<b>184.275.022.374</b>

(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ):

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyển tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ).

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Liên Trung, Xã Tân Hà Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng; Thôn Tầm Xá, Xã Nam Ban Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; thôn 6 xã Đa Huoai, tỉnh Lâm đồng; xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng; Thôn Hoà Bình Đ'ran, tỉnh Lâm Đồng; Trung Tâm xã Đam Rông 2, Tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, xã Đam Rông 2) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.239
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.239
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	58.909.792.060	70.306.631.173
<b>Cộng</b>	<b>172.878.183.261</b>	<b>184.275.022.374</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>150.084.505.022</b>	<b>161.481.344.135</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>7.767.327.958</b>	<b>3.681.085.206</b>
Trích lập quỹ trong kỳ	27.324.925.325	21.679.322.745
Sử dụng quỹ trong kỳ	(16.676.005.218)	(9.955.344.322)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.416.248.065</b>	<b>15.405.063.629</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>							
<b>Số dư đầu kỳ</b>	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	6.296.555.117	79.056.153.431	11.330.524.372	932.253.065.030
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	48.237.775.937	-	48.237.775.937
Chia cổ tức	-	-	-	-	(40.188.000.000)	-	(40.188.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.679.322.745)	-	(21.679.322.745)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.811.230.686	(15.811.230.686)	-	-
Thù lao của Ban Điều hành	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	22.107.785.803	48.237.775.937	11.330.524.372	917.245.918.222
<b>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>							
<b>Số dư đầu kỳ</b>	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	22.107.785.803	48.237.775.937	11.330.524.372	917.245.918.222
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	51.464.205.005	-	51.464.205.005
<b>Số dư cuối kỳ</b>	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	22.107.785.803	99.701.980.942	11.330.524.372	968.710.123.227
<b>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>							
<b>Số dư đầu kỳ</b>	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	22.107.785.803	99.701.980.942	11.330.524.372	968.710.123.227
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	41.758.665.934	-	41.758.665.934
Chia cổ tức	-	-	-	-	(48.068.000.000)	-	(48.068.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(27.324.925.325)	-	(27.324.925.325)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	22.931.455.617	(22.931.455.617)	-	-
Thù lao của Ban Điều hành (i)	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	(1.113.778.523)	-	(1.113.778.523)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	45.039.241.420	40.644.887.411	11.330.524.372	932.584.485.313



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong năm và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2024 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025.

(ii) Đây là khoản phải trả cho Nhà nước theo quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm Công ty (trước đây là Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng) chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày cuối kỳ và đầu kỳ		
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>788.000.000.000</b>

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025, cổ tức năm 2024 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 48.068.000.000 đồng, tương ứng mức 610 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 4,85%, tương ứng 485 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ Ngoại tệ	Số đầu kỳ Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,15	67,15

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000
<b>Cộng</b>	<b>37.536.182</b>	<b>37.536.182</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	146.526.025.777	149.372.404.647
Doanh thu xử lý nước thải	9.799.577.433	9.455.049.700
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	4.854.053.653	3.933.795.932
Doanh thu khác	532.564.830	669.889.339
<b>Cộng</b>	<b>161.712.221.693</b>	<b>163.431.139.618</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	103.172.767.893	101.605.195.317
Giá vốn xử lý nước thải	8.809.645.947	7.717.547.365
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	4.043.028.110	3.437.171.347
Giá vốn khác	249.403.827	327.602.633
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(40.366.630)	(527.955)
<b>Cộng</b>	<b>116.234.479.147</b>	<b>113.086.988.707</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	23.527.620.505	29.398.468.260
Cổ tức được chia	-	78.310.000
<b>Cộng</b>	<b>23.527.620.505</b>	<b>29.476.778.260</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	5.704.118.725	6.411.501.205

**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí duy trì đầu nổi	2.594.495.574	1.957.139.371
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	126.788.901	24.554.426
<b>Cộng</b>	<b>2.721.284.475</b>	<b>1.981.693.797</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.688.928.563	2.460.411.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	316.128.915	467.418.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	254.937.371	222.046.466
Thuế, phí và lệ phí	170.073.600	259.725.813
Dự phòng/(hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	196.271.104	(2.266.985)
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	5.067.139.142	7.187.724.044
<b>Cộng</b>	<b>7.693.478.695</b>	<b>10.595.059.709</b>

**7. Thu nhập và chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền điện bán cho bên khác	105.567.414	110.851.741
Các khoản thu nhập khác	55.729.872	50.043.497
<b>Cộng</b>	<b>161.297.286</b>	<b>160.895.238</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	537.229.744	520.382.302
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	33.793.000	-
Các khoản chi phí khác	85.971.948	66.008.326
<b>Cộng</b>	<b>656.994.692</b>	<b>586.390.628</b>
<b>Lỗ khác</b>	<b>(495.697.406)</b>	<b>(425.495.390)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>52.390.783.750</b>	<b>60.407.179.070</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Chi phí không được trừ	731.024.127	517.618.641
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(78.310.000)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>53.121.807.877</b>	<b>60.846.487.711</b>
Chuyển lỗ	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>53.121.807.877</b>	<b>60.846.487.711</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.624.361.575</b>	<b>12.169.297.542</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.012.034.019	56.063.281.646
Chi phí nhân công	33.349.167.421	32.554.920.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.419.018.066	20.863.728.959
Chi phí duy trì đầu nổi	2.594.495.574	1.957.139.371
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	155.904.474	(2.794.940)
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	12.118.622.763	14.227.466.486
<b>Cộng</b>	<b>126.649.242.317</b>	<b>125.663.742.213</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.758.665.934	48.237.775.937
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành (i)	-	(13.909.135.372)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>41.758.665.934</b>	<b>34.328.640.565</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	78.800.000	78.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>530</b>	<b>436</b>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025. Ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** (tiếp theo)

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.237.775.937	-	48.237.775.937
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(659.736.000)	(13.249.399.372)	(13.909.135.372)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>47.578.039.937</b>	<b>(13.249.399.372)</b>	<b>34.328.640.565</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	78.800.000	-	78.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>604</b>	<b>(168)</b>	<b>436</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ cho năm hiện tại.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng chính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan**

Ông Phan Đình Tân  
Ông Nguyễn Hùng Cường

Ông Trần Quốc Hùng  
Ông Đỗ Văn Hạ  
Ông Nguyễn Văn Dũng

**Mối quan hệ**

Chủ tịch hội đồng quản trị  
Thành viên hội đồng quản trị,  
kiêm Tổng Giám đốc  
Thành viên hội đồng quản trị  
Thành viên hội đồng quản trị  
Thành viên hội đồng quản trị,  
kiêm Phó Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Thông tin các bên liên quan** (tiếp theo)

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:**

Họ tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	425.519.975	390.935.938
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.033.833.148	835.220.595
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	183.311.984	142.593.563
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	645.554.515	555.137.618
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	183.311.984	107.979.578
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	34.613.984
		<b>2.471.531.606</b>	<b>2.066.481.276</b>
Họ tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	367.766.151	368.463.172
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	102.059.993	67.851.491
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên	102.059.993	67.851.491
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	21.722.494
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	21.722.494
		<b>571.886.137</b>	<b>547.611.142</b>
Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	443.780.378	363.821.423

**2. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thuê đất của Nhà nước tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng để sử dụng cho mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

**VIII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Cam kết không hủy ngang khác**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã ký các hợp đồng/ cam kết không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa số 01-01/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 12 năm 2010 và phụ lục số 04/2023/PLHĐ/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về thay đổi đơn giá nước. Đơn giá nước sạch áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 là 6.132 đồng/m<sup>3</sup> chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực đến khi có phụ lục khác thay thế.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ) với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m<sup>3</sup>, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chi trả 3.198 đồng/m<sup>3</sup> và ngân sách cấp 3.063 đồng/m<sup>3</sup>.


**4. Số liệu so sánh**


Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.


**5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 02 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chi trả toàn bộ cổ tức năm 2024 cho cổ đông với tổng số tiền là 48.068.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện đã nêu, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

  
Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

  
Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

